

ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
NHÀ TUYỂN DỤNG
NĂM 2019

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2019

I. TỔNG QUAN KHẢO SÁT

1. Mục đích khảo sát

- Tìm hiểu những yêu cầu và đánh giá cơ bản của nhà tuyển dụng (NTD) đối với chương trình đào tạo của Trường;
- Tìm hiểu những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung cho sinh viên (SV) để đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng lao động;
- Giúp các khoa/bộ môn có cơ sở để rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT) theo định kỳ.
- Góp phần triển khai công tác tự đánh giá - kiểm định chất lượng tại Trường.

2. Tổ chức khảo sát

- Đối tượng khảo sát: Các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp (SVTN) của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (gọi chung là NTD).
- Hình thức: Thành lập Tổ công tác lấy ý kiến SVTN, NTD gồm đại diện các khoa/bộ môn, Phòng TT-PC-ĐBCL, Phòng CTSV. Tổ công tác liên hệ và gửi phiếu khảo sát đến NTD thông qua hình thức Google Form, hoặc thư điện tử (email).
- Thời gian thực hiện:
 - Khảo sát: 22/9 – 20/11/2019
 - Tổng hợp và xử lý số liệu: 21/11 – 7/12/2019
 - Viết báo cáo: 10/12 – 31/12/2019

3. Công cụ và nội dung khảo sát

Công cụ để lấy ý kiến SVTN là phiếu khảo sát do phòng TT-PC-ĐBCL cập nhật và hoàn thiện sau khi được sự thống nhất của Tổ công tác và BGH phê duyệt.

Bảng khảo sát lấy ý kiến NTD gồm các nội dung như sau:

- Các yêu cầu và nhận xét của NTD đối với SVTN của Trường.
- NTD nhận xét về điểm mạnh và điểm yếu đối với SVTN của Trường.
- Mức độ hài lòng của NTD đối với SVTN của Trường.
- Mức độ ưu tiên trong tuyển dụng SVTN của Trường.
- Những hoạt động mà NTD có thể hợp tác với Trường.
- Xu hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực máy tính, công nghệ thông tin.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Thực trạng số phiếu và thông tin đã khảo sát

Năm 2019, Nhà trường đã khảo sát NTD và thu về ý kiến phản hồi của 42 đơn vị có SVTN của Trường đang làm việc. Đại diện các đơn vị cho ý kiến là cán bộ quản lý giữ các chức vụ như: CEO, Giám đốc điều hành, giám đốc/trưởng phòng nhân sự/marketing, trưởng nhóm tuyển dụng/đào tạo/truyền thông, phó phòng...

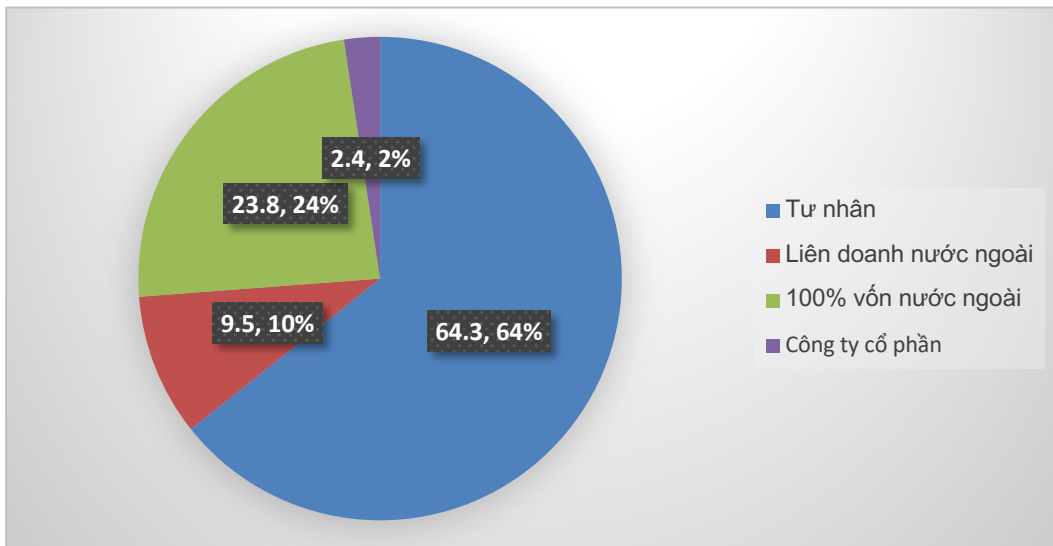
Nhìn chung, khảo sát đã thu được những thông tin cần thiết từ phía NTD. Số lượng NTD tham gia phản hồi của năm 2019 cũng tăng hơn so với các năm trước: năm 2018 (35 đơn vị), năm 2016 (18 đơn vị), năm 2015 (20 đơn vị) và năm 2014 (31 đơn vị). Kết quả này là nhờ vào sự nỗ lực rất lớn từ phía Khoa, đặc biệt là các thành viên của tổ công tác ở mỗi Khoa. Trước năm 2019, nếu việc lấy ý kiến NTD chỉ mới tập trung ở một số đơn vị như Khoa CNPM, Khoa HTTT, Khoa MMT&TT thì nay đã có sự tham gia của tất cả các Khoa mặc dù số lượng chưa nhiều nhưng đáng được ghi nhận. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các Khoa tiếp tục phát huy trong các năm tiếp theo.

Dưới đây là bảng thông kê chi tiết tình hình khảo sát:

TT	Đơn vị phụ trách	Số lượng thu được	Số SVTN của Trường hiện đang công tác tại Tổ chức	Ghi chú
1	CNPM	19	299	
2	HTTT	2	8	Một đơn vị cung cấp 40-60% số nhân viên công ty
3	MMT-TT	11	209	
	KHMT	2	10	
	KTMT	6	12	3 đơn vị không cung cấp thông tin
	KH&KTTT	2	15	
	Tổng	42	553	

Bảng 1. Thực trạng số phiếu khảo sát

Trong số 42 đơn vị tuyển dụng mà Trường đã thu thập ý kiến, chiếm tỷ lệ lớn là các doanh nghiệp *tư nhân* (26/42 tổ chức) và doanh nghiệp *vốn đầu tư nước ngoài* (10/42 tổ chức). Vì đặc thù ngành CNTT và nhu cầu của các tổ chức ngoài Nhà nước là khá cao do vậy tỉ lệ này là hợp lý; so với các năm trước tỷ lệ các loại hình công ty này cũng chiếm ưu thế tương tự.



Biểu đồ 1. Loại hình hoạt động của các đơn vị tuyển dụng

2. Các yêu cầu và nhận xét đối với SVTN của Trường

Căn cứ vào chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tại Trường, Phòng TT-PC-ĐBCL đã xây dựng 15 tiêu chí để lấy ý kiến NTD về: (1) các yêu cầu của NTD dựa trên chuẩn đầu ra, đồng thời và (2) mức độ đáp ứng của SVTN đối với các yêu cầu này.

Yêu cầu của NTD				Tiêu chí	Nhận xét về SVTN của Trường			
Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
17.1		65.9	17.1	Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội	19.5		63.4	17.1
	31.7		68.3	Kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành	9.8		68.3	22
	26.8		73.2	Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	17.1		53.7	29.3
	36.6		63.4	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	14.6		70.7	14.6
	46.3		53.7	Tư duy hệ thống	17.1		56.1	26.8

	Tác phong công nghiệp	
	Tính kỷ luật	
	Tính tích cực, chủ động	
	Khả năng tự học và sáng tạo	
	Kỹ năng làm việc nhóm	
	Kỹ năng giao tiếp, quan hệ cộng đồng	
	Trình độ ngoại ngữ	
	Kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế và triển khai ứng dụng phù hợp bối cảnh và nhu cầu xã hội	
	Kinh nghiệm thực tế	
	Đạo đức nghề nghiệp	

Bảng 2: Yêu cầu và đánh giá của NTD dành cho SV tốt nghiệp

2.1. Yêu cầu của NTD

Dựa trên tỷ lệ mức độ quan trọng (bao gồm *quan trọng* và *rất quan trọng*), các tiêu chí được phân thành nhóm và được sắp xếp theo thứ tự cao nhất → thấp nhất như sau:

Nhóm	Các yêu cầu của NTD	Tỷ lệ quan trọng
1	Kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành; Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề; Tư duy hệ thống. Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	100%
2	Tính kỷ luật; Tính tích cực, chủ động; Khả năng tự học và sáng tạo	97.6%
3	Kỹ năng làm việc nhóm; Đạo đức nghề nghiệp	94.3%
4	Kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế và triển khai ứng dụng phù hợp bối cảnh và nhu cầu xã hội	87.8%
5	Kỹ năng giao tiếp, quan hệ cộng đồng	85.4%
6	Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội	83%
7	Trình độ ngoại ngữ	80.5%
8	Kinh nghiệm thực tế	63.5%

Bảng 3: Yêu cầu của NTD đối với SV tốt nghiệp

Kết quả bảng 3 cho thấy, 100% NTD đặt yếu tố về *học thuật và những khả năng, kỹ năng* liên quan đến ngành nghề (**nhóm 1**) lên hàng đầu đối với SVTN; tiếp theo, NTD quan tâm đến yếu tố về đạo đức, kỹ năng và tính cách trong công việc (**nhóm 2,3,4**); **nhóm 5** là các yêu cầu về các kỹ năng làm việc trong môi trường tập thể; *kiến thức xã hội, tự nhiên và ngoại ngữ* (nhóm 6,7) để hỗ trợ công việc đạt hiệu quả cao hơn; cuối cùng là **nhóm 8** - các yếu tố được cho ít quan trọng hơn: *kinh nghiệm thực tiễn*

So với kết quả năm 2018, các yếu tố nền tảng về kiến thức ngành và các kỹ năng cần thiết trong công việc vẫn như *kiến thức chuyên ngành; khả năng tự học và sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; tính kỷ luật* luôn được NTD đặt yêu cầu cao (khoảng 95% - 100%); yếu tố *kinh nghiệm thực tế* có đến 57.1% NTD cho rằng quan trọng.

2.2. Nhận xét đối với SVTN của Trường

Các tiêu chí được sắp xếp theo tỷ lệ của 02 mức Khá – Tốt và từ cao đến thấp như sau:

STT	Các yêu cầu	Tỷ lệ (Khá - Tốt)
1.	Đạo đức nghề nghiệp	95.1%
2.	Kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành; Tính kỷ luật.	90.3%
3.	Khả năng tự học và sáng tạo	87.8%

4.	Tính tích cực, chủ động	85.4%
5.	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	85.3%
6.	Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	83.0%
7.	Tư duy hệ thống	82.9%
8.	Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp, quan hệ cộng đồng; Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.	80.5%
9.	Tác phong công nghiệp	73.2%
10.	Kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế và triển khai ứng dụng phù hợp bối cảnh và nhu cầu xã hội	64.4%
11.	Trình độ ngoại ngữ	63.4%
12.	Kinh nghiệm thực tế.	53.7%

Bảng 4: Nhận xét của NTD đối với SV tốt nghiệp

Nhìn chung, SVTN của Trường đã đáp ứng được các yêu cầu của NTD khi chỉ đáp ứng ở mức Khá – Tốt trong khoảng 53.7% - 95.1%, chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

Tiêu chí	Yêu cầu của NTD	SVTN của Trường
Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội	83	80.5
Kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành	100	90.3
Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	100	83
Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	100	85.3
Tư duy hệ thống	100	82.9
Tác phong công nghiệp	82.9	73.2
Tính kỷ luật	97.6	90.3
Tính tích cực, chủ động	97.6	85.4
Khả năng tự học và sáng tạo	97.6	87.8
Kỹ năng làm việc nhóm	95.1	80.5
Kỹ năng giao tiếp, quan hệ cộng đồng	85.4	80.5
Trình độ ngoại ngữ	80.5	56.1
Kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế và triển khai ứng dụng phù hợp bối cảnh và nhu cầu xã hội	87.8	63.4

Kinh nghiệm thực tế	63.5	53.7
Đạo đức nghề nghiệp	95.1	95.1

Bảng 5: So sánh mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp và yêu cầu của NTD

Đạo đức nghề nghiệp là tiêu chí duy nhất mà SVTN tại Trường đáp ứng được 100% yêu cầu của NTD. Các yếu tố còn lại SVTN, nhìn chung, đều đã đáp ứng ở mức khá tốt, tỉ lệ chênh lệch khoảng 11.87%.

So với yêu cầu của NTD, SVTN tại Trường cần lưu ý đến các yếu tố sau:

Kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế và triển khai ứng dụng phù hợp bối cảnh và nhu cầu xã hội chỉ mới đáp ứng 63.4% (yêu cầu của NTD là 87.8%);

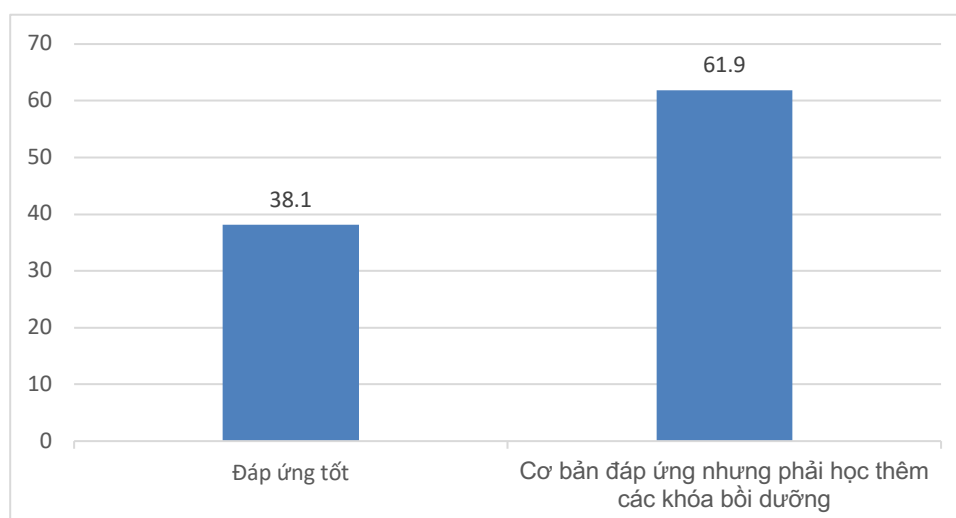
Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin đáp ứng 85.3%/100; *Tư duy hệ thống* đáp ứng 82.9/100 và *Khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề* đáp ứng 83%/100.

Trình độ ngoại ngữ đáp ứng 56.1/80.5% yêu cầu NTD. Đây là tiêu chí luôn được NTD nhấn mạnh trong các lần khảo sát. Mặc dù còn thấp nhưng so với năm 2018 (đạt 45.7%), tỉ lệ này có cải thiện. Nhà trường và các Khoa cần tiếp tục cố gắng tìm kiếm các giải pháp để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho SV.

3. Đánh giá chung của NTD đối với SVTN của Trường

Theo biểu đồ 2, có 38.1% (16 NTD) đánh giá SVTN của Trường *đáp ứng tốt* yêu cầu công việc, 61.9% (26 NTD) cho rằng về *cơ bản SVTN đã đáp ứng yêu cầu*, tuy nhiên cần phải học thêm các khóa bồi dưỡng.

So với các đợt khảo sát trước, tỷ lệ *đáp ứng tốt* ở năm 2019 đã tăng nhẹ, cụ thể: năm 2018: 34.3%; năm 2016: 27.8% và năm 2015: 30.0%



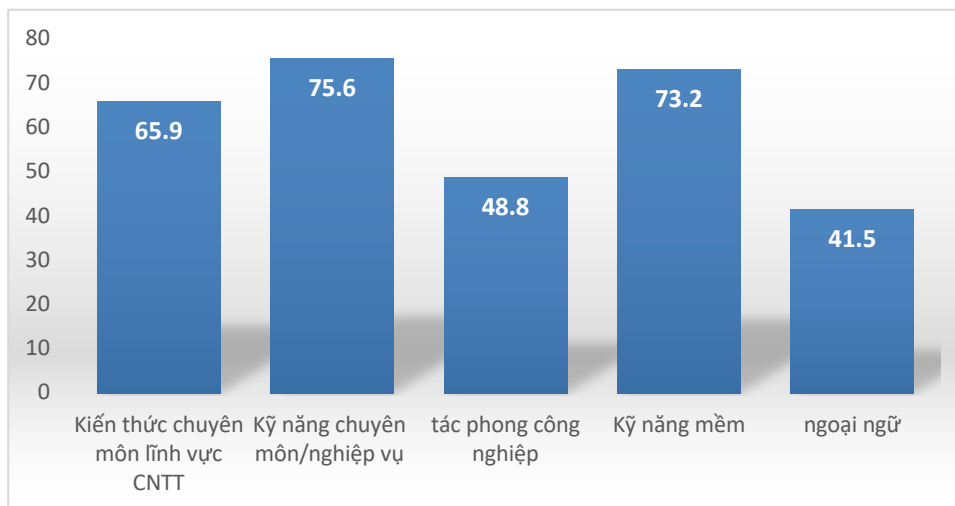
Biểu đồ 2. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN (%)

Theo biểu đồ 2, nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng thêm mà đơn vị tuyển dụng đã tổ chức cho SVTN của Trường là: *Kỹ năng chuyên môn/nghị vụ* 75.6% (năm 2018: 83.3%), *kiến thức chuyên môn lĩnh vực CNTT*: 65.9% (năm 2018: 80%), *tác phong công nghiệp*: 48.8% (năm 2018: 54.3%), *ngoại ngữ*: 41.5% (năm 2018: 37.1%).

Riêng nội dung về kỹ năng mềm (71.1%), một số kỹ năng cụ thể mà NTD đã đào tạo cho SVTN là:

- Kỹ năng làm việc nhóm (13 NTD);
- Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề (15 NTD);
- Kỹ năng giao tiếp (17 NTD);
- Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian (10 NTD);
- Kỹ năng thuyết trình, trình bày (19 NTD)

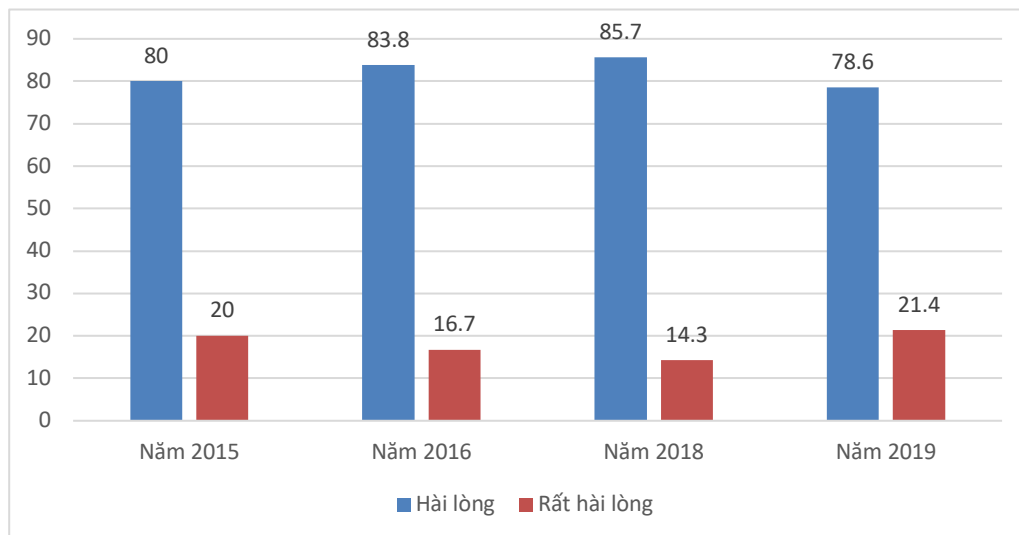
Ngoài ra, có một số kỹ năng khác như: Kỹ năng quản lý công việc, kiến thức phát triển phần mềm thực tế, khả năng hòa nhập với tổ chức, tính chuyên nghiệp



Biểu đồ 3. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng thêm cho SVTN của Trường (%)

4. Mức độ hài lòng của Tổ chức đối với SVTN của Trường

Dưới đây là mức độ hài lòng của NTD qua kết quả của các đợt khảo sát:



Biểu đồ. Mức độ hài lòng của NTD đối với SVTN (%)

5. Mức lương khởi điểm của Tổ chức đối với SVTN của Trường

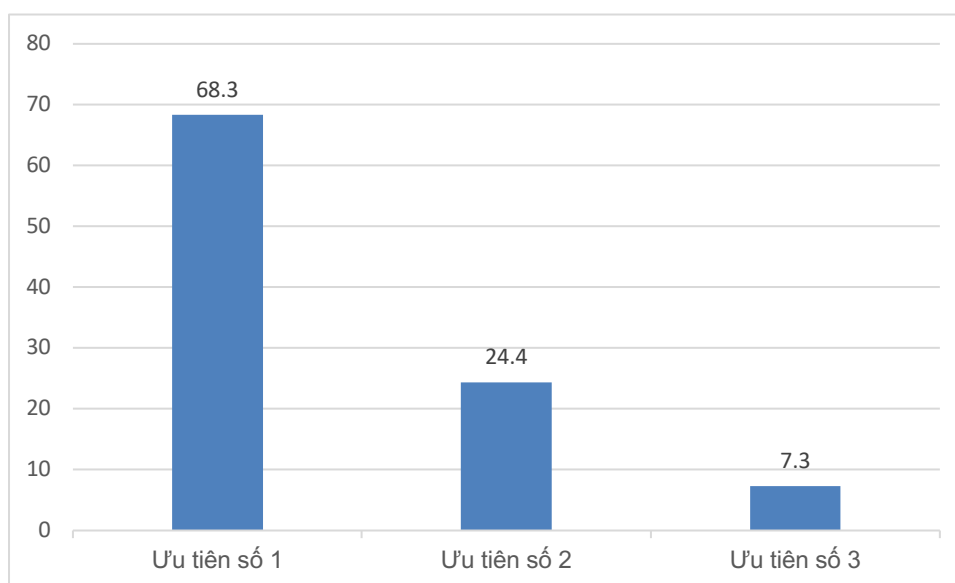
Dữ liệu thu được từ 42 đơn vị tuyển dụng cho thấy, tùy theo từng vị trí công việc và loại hình doanh nghiệp mà mức lương khởi điểm dành cho SVTN của Trường có sự khác biệt, dao động từ 7 triệu đồng đến trên 20 triệu đồng. Đối với các tổ chức tư nhân, quốc tế lương được xét theo năng lực và các điều kiện đi kèm (khả năng kết nối, tạo lợi nhuận,...), bên cạnh lương còn các chế độ đãi ngộ riêng với từng kiểu nhân viên.

Nhìn chung, đây là mức lương phù hợp với một SVTN trong lĩnh vực công nghệ thông tin hiện nay.

6. Mức độ ưu tiên tuyển dụng đối với SVTN của Trường

Khảo sát cũng tìm hiểu mức độ ưu tiên của NTD trong việc tuyển chọn người làm việc khi so sánh giữa SVTN của Trường với SVTN của một số Trường cùng đào tạo về công nghệ thông tin như ĐH Bách Khoa ĐHQG-HCM, ĐH Khoa học Tự nhiên ĐHQG-HCM, ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, Hutech,...

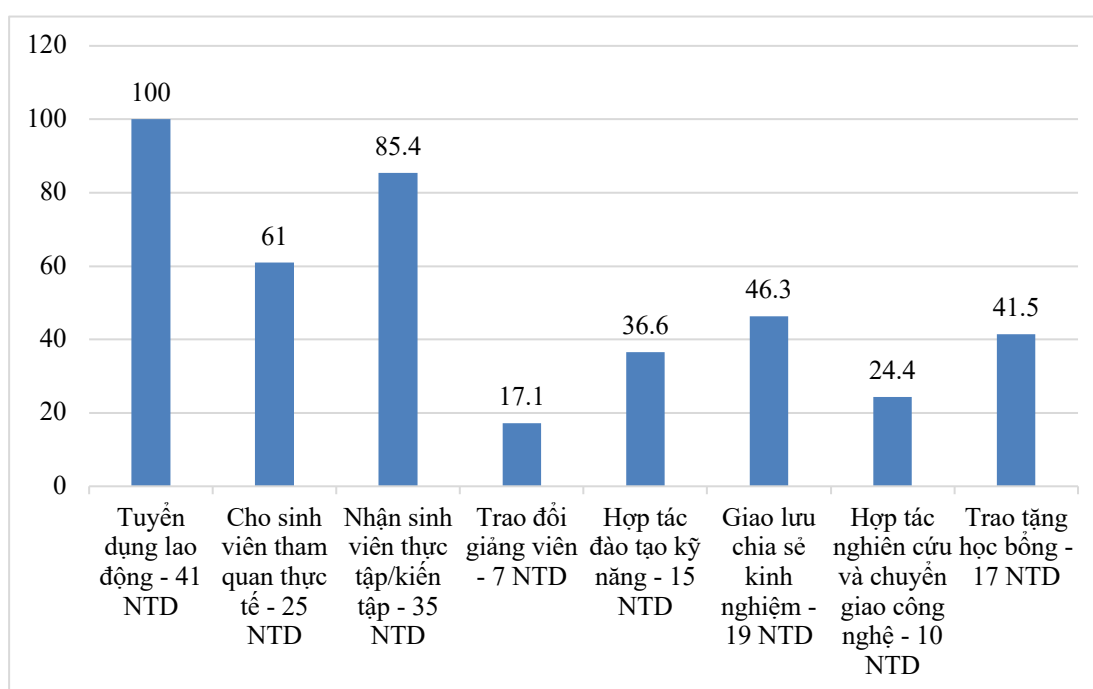
Kết quả khảo sát cho thấy 28/42 NTD (có 1 doanh nghiệp không xếp thứ tự ưu tiên mà theo đáp ứng công việc) cho biết SVTN của Trường là lựa chọn đầu tiên của tổ chức khi có nhu cầu tuyển dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Kết quả này, đã phản ánh một phần uy tín trong đào tạo của Nhà trường, khi chất lượng SVTN của Trường đã được các tổ chức, doanh nghiệp tin tưởng, tuyển dụng.



Biểu đồ. Mức độ ưu tiên của NTD khi tuyển dụng SVTN của Trường (%)

7. Các hoạt động NTD có thể hỗ trợ với Trường

Dưới đây là một số hoạt động NTD cho biết có thể hỗ trợ, hợp tác với Trường. Qua đây, các khoa/bộ môn nên xem xét và có kế hoạch hợp tác với các đơn vị tuyển dụng nhằm mục đích kết nối, tìm hiểu yêu cầu tuyển dụng, đồng thời, tận dụng các nguồn lực bên ngoài để phát triển đào tạo tại đơn vị mình trong năm 2019.



Biểu đồ 5. Các hoạt động NTD có thể hợp tác, hỗ trợ tại Trường (%)

8. Ý kiến nhận xét của Tổ chức về SVTN của Trường và xu hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT hiện nay (xem Phụ lục 1)

III. KẾT LUẬN

Mặc dù còn một số khó khăn trong công tác thu thập ý kiến các tổ chức, doanh nghiệp,

nhưng đợt khảo sát năm 2019 của Trường ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM đã thu được những thông tin cụ thể, đáng tin cậy về nhận xét của NTD đối với SVTN của Trường và các đề xuất giúp Trường/Khoa cải thiện, đổi mới. Những thông tin này giúp nhà trường nhìn lại chất lượng của hoạt động đào tạo, rà soát và bổ sung những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho SV.

Để thu thập ý kiến NTD hiệu quả hơn, các khoa/bộ môn cần thường xuyên đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến: khảo sát, tổ chức các buổi gặp mặt giữa NTD với đơn vị, các buổi tư vấn, ngày hội việc làm giữa NTD và sinh viên,.. nhằm tận dụng sự hỗ trợ từ phía NTD, trên cơ sở đó thúc đẩy sự hợp tác ngày một gắn bó hơn giữa NTD và Nhà trường.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

Trịnh Thị Mỹ Hiền